

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HS-ST
Ngày 27-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Ngọc Thành

Nơi công tác: Trường tiểu học Phú Thọ A, xã Phú Thọ

- Ông Lê Văn Bé

Nơi công tác: Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022 đối với:

- Bị cáo Phạm Chí B, sinh năm 1996; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn G, sinh năm 1962 (chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; tiền án: Có 02 tiền án, ngày 01/6/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong ngày 01/9/2017) và ngày 04/01/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong ngày 07/5/2020); tiền sự: Không; nhân thân: ngày 15/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 12 tháng; tạm giữ: Không; bắt tạm giam: ngày 22/4/2022.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Nguyễn Phú T, sinh ngày 14/3/2005, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Phú T:

Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1972 (mẹ ruột), có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Trường S, sinh năm 1991, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Thị L, sinh năm 1979, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: khóm L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Thanh C, sinh năm 1975, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Hồ Thị Tuyết L, sinh năm 1970, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Trần Thị Thu T, sinh năm 1993, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phan Thị Châu T, sinh năm 1985, có đơn xin vắng mặt.

2. Tôn Thị Kim C, sinh năm 1966, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: khóm Y, thị trấn T, huyện T, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn L, sinh năm 1965, vắng mặt.

2. Nguyễn Hữu N, sinh năm 1991, vắng mặt.

3. Nguyễn Văn B, sinh năm 1980, vắng mặt.

Địa chỉ: khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Phạm Bích D, sinh năm 1984, vắng mặt.

Địa chỉ: khóm N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Phạm Xuân H, sinh năm 1988, vắng mặt.

Địa chỉ: khóm P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Chí B chấp hành án về tội “Trộm cắp tài sản” xong vào ngày 07/5/2020 về địa phương sinh sống. Sau đó, từ ngày 14/3/2022 đến ngày 22/4/2022, Phạm Chí B đã thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 1 vụ và trộm cắp tài sản 5 vụ, cụ thể như sau:

- *Vụ thứ nhất:* khoảng 10 giờ 40 phút, ngày 14/3/2022 Phạm Chí B đi bộ từ nhà đến quán nước trên vỉa hè tại khóm L, thị trấn T gặp Nguyễn Phú T (hai người không quen biết) hỏi mượn điện thoại di động hiệu Redmi 9, màu đen, để gọi cho bạn, T đồng ý. B điện thoại đến lần thứ 3 nhưng không ai nghe máy, thấy T không nhìn nên B nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại. B cầm điện thoại vừa đi vừa điện, bước đi ra phía sau quán cho T không nhìn thấy và bỏ đi. T không thấy B nên T điều khiển xe đi tìm, đến trước trụ sở Ủy ban nhân dân huyện T phát hiện B, T yêu cầu B trả lại điện thoại xong, T lấy điện thoại đến Công an thị trấn T trình báo.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9, màu đen đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại chủ sở hữu Nguyễn Phú T xong.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 12/KL-ĐGTS ngày 21/3/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Một điện thoại di động hiệu Redmi 9, màu đen, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là 1.660.000 đồng.

Về dân sự: Nguyễn Phú T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm.

- *Vụ thứ hai:* khoảng 6 giờ 30 phút, ngày 21/3/2022 Bảo đi bộ đến nhà Nguyễn Văn B tại khóm K, thị trấn T, nhìn thấy xe mô tô hiệu Max, không còn dán áo xe, không biển số xe, hỏi mượn B đi công chuyện, B đồng ý. B điều khiển xe đến nhà Nguyễn Trường S tại khóm L, thị trấn T, vào trong nhà hỏi mượn S 300.000 đồng, S đồng ý đi lấy tiền đưa B, lúc này B thấy 1 điện thoại di động hiệu OPPO A54 màu xám, để trên tủ chén, nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, B lấy điện thoại giấu phía sau thắt lưng quần, nhận tiền S, B ra xe điều khiển về. B đem điện thoại đến cửa hàng điện thoại “T” tại khóm L, thị trấn T, cầm cho Phan Thị Châu T số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, B nhờ B chở đi C mua ma túy sử dụng trên đường về. Nguyễn Trường S phát hiện mất điện thoại đến Công an thị trấn T báo sự việc. B thừa nhận hành vi trộm điện thoại và nộp số tiền còn lại 220.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54, màu xám, đã qua sử dụng, Cơ quan điều tra đã trả lại chủ sở hữu Nguyễn Trường S xong; Tiền Việt Nam: 220.000 đồng, Cơ quan điều tra chưa xử lý.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 13/KL-ĐGTS ngày 25/3/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54, màu xám, số IMEI 868958050063668 (tài sản đã qua sử dụng) giá trị định giá là 2.800.000 đồng.

Về dân sự: Nguyễn Trường S đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm. Riêng đối với số tiền cầm điện thoại, Phạm Chí B và Phan Thị Châu T thống nhất, Bảo phải bồi thường số tiền 1.000.000 đồng cho T.

- *Vụ thứ ba:* khoảng 7 giờ, ngày 04/4/2022 Bảo đi bộ đến nhà Nguyễn Văn B, hỏi mượn xe B không trả lời. B điều khiển xe đến Trường tiểu học T 2 thuộc khóm R, thị trấn T vào khu tập thể giáo viên và vào phòng Nguyễn Thị L, trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A 10, màu đen. B điều khiển xe về nhà B, nói B đi cầm hoặc bán dùm, B mang điện thoại đến cửa hàng điện thoại “H” tại khóm U, thị trấn T, bán cho Nguyễn Hữu N số tiền 800.000 đồng, B đưa tiền cho B, B nhờ B chở đi C mua ma túy sử dụng trên đường về. Đối với điện thoại trên, N đã bán lại cho người khác, không biết người mua là ai, nên không thu hồi điện thoại được.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 17/KL-ĐGTS ngày 29/4/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A 10, màu đen, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là 930.000 đồng.

Về dân sự: Phạm Chí B và Nguyễn Thị thống nhất, Bảo bồi thường giá trị điện thoại số tiền 930.000 đồng cho L.

- *Vụ thứ tư:* vào sáng ngày 08/4/2022 Bảo đi bộ đến nhà Nguyễn Thanh C ở khóm U, thị trấn T, phát hiện không có người trong nhà, điện thoại di động hiệu Huawei Nova3i màu xanh, đang sạc, B lấy trộm điện thoại, bỏ vào túi quần. B đem điện thoại đến cửa hàng điện thoại “C” tại khóm L, thị trấn T, cầm cho Tôn Thị Kim C số tiền 1.500.000 đồng. Sau đó, B thuê xe honda chở B đến C với giá 400.000 đồng, mua ma túy với giá 650.000 đồng, số tiền còn lại sử dụng cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Nova3i màu xanh, đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại chủ sở hữu Nguyễn Thanh C xong.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 15/KL-ĐGTS ngày 27/4/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Huawei Nova3i màu xanh, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là 1.250.000 đồng.

Về dân sự: Nguyễn Thanh C đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm. Riêng đối với số tiền cầm điện thoại, Phạm Chí B và Tôn Thị Kim C thống nhất, B bồi thường số tiền 1.500.000 đồng cho Chi.

- *Vụ thứ năm:* Khoảng 14 giờ phút, ngày 12/4/2022, B thấy xe loại Vision màu đỏ, biển số 66N1-289.24, của anh ruột Phạm Xuân H đang đậu ở nhà, trên xe có gắn chìa khóa. B lấy xe điều khiển đến nhà Hồ thị Tuyết L tại khóm K, thị trấn T, hỏi mượn L 300.000 đồng, L nói không có tiền, lúc này B thấy 1 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 3 Pro, màu xanh, để trên bàn máy

vi tính, nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, B lấy điện thoại bỏ vào túi quần, đi ra xe điều khiển về nhà B. B đưa điện thoại cho B nói đi cầm hoặc bán dùm, B nhận điện thoại, B điều khiển xe về nhà trả cho H, B điều khiển xe đến chỗ B đi đến quán của Phạm Bích D, ở khóm Y, thị trấn T bán với giá 700.000 đồng. Sau đó, D bán lại cho người tên T với giá 700.000 đồng. Điện thoại không thu hồi được.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 16/KL-ĐGTS ngày 28/4/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 3 Pro, màu xanh, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là 1.650.000 đồng.

Về dân sự: Phạm Chí B và Hồ thị Tuyết L thống nhất, B bồi thường giá trị điện thoại số tiền 1.650.000 đồng cho L.

- *Vụ thứ sáu:* Khoảng 06 giờ, ngày 22/4/2022, B mượn xe của B, điều khiển tìm tài sản nhà nào không người trông giữ để trộm cắp (B không biết B mượn xe đi trộm tài sản). Khi đi đến nhà Trần Thị Thu T tại khóm U, thị trấn T, B thấy nhà không khóa cửa, B đậu xe lại, vào trong nhà tìm điện thoại để trộm nhưng không có, thấy chìa khóa xe để trên bàn, B lấy mở cốp xe biển số 66N1-263.69 đang đậu ngoài sân, thấy cọc tiền trong cốp xe, B lấy giấu vào thắt lưng quần phía trước, điều khiển xe về nhà B. B nói có tiền rồi, B không hỏi gì, lên xe B chở đi C. Trên đường đi, B đưa tiền cho B đếm được 1.300.000 đồng. Đến C, B mua ma túy sử dụng trên đường về.

Về dân sự: Phạm Chí B và Trần Thị Thu T thống nhất, B bồi thường số tiền 1.300.000 đồng cho T.

Tại Cáo trạng số: 38/CT-VKS-TN ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Phạm Chí B, phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Phạm Chí B:

Phạm tội “Trộm cắp tài sản” mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Tổng hợp hình phạt 02 tội là: mức án từ 03 năm 03 tháng đến 04 năm tù.

Tình tiết tăng nặng: Không. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Phạm Chí B khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản xác định hiện trường, bản ảnh cùng ngày 20/5/2022 tại nhà các bị hại gồm: Nguyễn Phú T, Nguyễn Trường S, Nguyễn Thanh C, Hồ Thị Tuyết L, Trần Thị Thu T và Trường Tiểu học T 2; Bản kết luận định giá tài sản số: 12/KL-ĐGTS ngày 21/3/2022, Bản kết luận định giá tài sản số: 13/KL-ĐGTS ngày 25/3/2022, Bản kết luận định giá tài sản số: 15/KL-ĐGTS ngày 27/4/2022, Bản kết luận định giá tài sản số: 16/KL-ĐGTS ngày 28/4/2022 và Bản kết luận định giá tài sản số: 17/KL-ĐGTS ngày 29/4/2022 cùng của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T; 02 tờ tự khai cùng ngày 14/3/2022, 02 bản tự khai cùng ngày 21/3/2022, bản tự khai cùng ngày 13/4/2022 và bản tự khai cùng ngày 22/4/2022 của bị cáo; Lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 14/3/2022 đến ngày 22/4/2022, bị cáo Phạm Chí Bảo đã thực hiện hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” 1 vụ và “Trộm cắp tài sản” 5 vụ, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ 40 phút, ngày 14/3/2022, bị cáo mượn Nguyễn Phú T điện thoại di động hiệu Redmi 9, màu đen, để gọi cho bạn, sau đó cầm điện thoại ra phía sau quán nước của T bỏ đi rồi chiếm đoạt điện thoại giá trị định giá là 1.660.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 6 giờ 30 phút, ngày 21/3/2022, bị cáo điều khiển xe mô tô đến nhà Nguyễn Trường S tại khóm H, thị trấn T, vào trong nhà bị cáo trộm điện thoại di động hiệu OPPO A54 màu xám của S, giá trị điện thoại định giá là 2.800.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 7 giờ, ngày 04/4/2022, bị cáo điều khiển xe mô tô đến Trường tiểu học T 2 thuộc khóm H, thị trấn T, vào khu tập thể giáo viên, vào phòng Nguyễn Thị L, trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A 10, màu đen, giá trị điện thoại định giá là 930.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào sáng ngày 08/4/2022, bị cáo đi bộ đến nhà Nguyễn Thanh C ở khóm K, thị trấn T, trộm 1 điện thoại di động hiệu Huawei Nova3i màu xanh, giá trị điện thoại định giá là 1.250.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 14 giờ phút, ngày 12/4/2022, bị cáo điều khiển xe loại Vision màu đỏ, biển số 66N1-289.24 đến nhà Hồ thị Tuyết L tại khóm L, thị trấn T, trộm 1 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 3 Pro, màu xanh, giá trị điện thoại định giá là 1.650.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 06 giờ, ngày 22/4/2022, bị cáo điều khiển xe đến nhà Trần Thị Thu T tại khóm L, thị trấn T, vào trong nhà tìm điện thoại để trộm nhưng không có, thấy chìa khóa xe để trên bàn, bị cáo lấy mở cốp xe biển số 66N1-263.69 trộm 1.300.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là: 9.590.000 đồng (trong đó, số tiền bị cáo “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là 1.660.000 đồng và số tiền bị cáo “Trộm cắp tài sản” là 7.930.000 đồng).

Đối với bị cáo đã có 02 tiền án, trong đó Bản án số: 03/2019/HS-PT ngày 04/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tiếp tục thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản giá trị là 1.660.000 đồng, tuy dưới 4.000.000 đồng nhưng có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nên phải chịu trách nhiệm về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản điện thoại di động tổng giá trị là 7.930.000 đồng (trong đó, có 01 lần trộm điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54, giá trị định giá là 2.800.000 đồng nên đủ căn cứ xác định bị cáo tái phạm nguy hiểm).

Hành vi của bị cáo nêu trên là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Ngoài ra, bị cáo còn phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội,

đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo không nghề nghiệp nên không áp dụng.

[4] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phản nộ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Ngoài ra, bị cáo có nhân thân không tốt đã có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản khi chấp hành án về bị cáo không sửa đổi bản thân trở thành công dân tốt mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội như trên nên cần xem xét mức án nghiêm khắc đối với bị cáo.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự. Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị điện thoại bị mất trộm số tiền 930.000 đồng; bị hại Hồ Thị Tuyết L yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị điện thoại bị mất trộm số tiền 1.650.000 đồng; bị hại Trần Thị Thu T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị mất trộm là 1.300.000 đồng, bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường. Theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/8/2022 của các bị hại L, L và T vẫn giữ nguyên yêu cầu số tiền trên. Tại phiên tòa, bị cáo vẫn đồng ý bồi thường số tiền trên theo yêu cầu bị hại nên buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền trên lại theo yêu cầu bị hại là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Đối với Phan Thị Châu T cầm 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 của bị cáo số tiền 1.000.000 đồng và Tôn Thị Kim C cầm 01 điện thoại di động hiệu Huawei Nova3i màu xanh của bị cáo số tiền 1.500.000 đồng. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi 02 điện thoại trên trả lại bị hại nên chị T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.000.000 đồng và bà C yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.500.000 đồng đã cầm 02 điện thoại trên, bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường. Theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/8/2022 của chị T và bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu số tiền trên. Tại phiên tòa, bị cáo vẫn đồng ý bồi thường số tiền trên theo yêu cầu của chị T và bà C nên buộc bị cáo có trách

nhiệm bồi thường số tiền trên lại theo yêu cầu của chị T và bà C là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Đối với các bị hại Nguyễn Phú T, Nguyễn Trường S và Nguyễn Thanh C, quá trình điều tra đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9, màu đen đã qua sử dụng của bị hại Nguyễn Phú T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54, màu xám, đã qua sử dụng của bị hại Nguyễn Trường S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Nova3i màu xanh, đã qua sử dụng của bị hại Nguyễn Thanh C. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho bị hại xong nên không xem xét.

Đối với tiền Việt Nam 220.000đồng thu giữ của bị cáo B. Xét thấy, đây là số tiền bị cáo cầm điện thoại trộm nhưng sử dụng chưa hết nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án các khoản bồi thường là phù hợp.

[7] Đối với Nguyễn Văn B, bị cáo B khai không nói với B điện thoại và tiền là do trộm cắp mà có, B khai không biết nguồn gốc điện thoại và tiền ở đâu bị cáo B có, B chỉ nghe bị cáo B nói là của bị cáo B. Ngoài ra, việc bị cáo B mượn xe B không nói cho B biết làm phương tiện đi trộm cắp tài sản và B không biết việc bị cáo B mượn xe đi trộm nên không có căn cứ xem xét xử lý B vai trò đồng phạm với bị cáo B, cũng không căn cứ xử lý B về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[8] Đối với việc bị cáo B mua ma túy tại C, không rõ người bán, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không làm việc được. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục xác minh làm rõ khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

[9] Đối với hành vi Nguyễn Văn B cùng bị cáo B đi C mua ma túy sử dụng. Trong quá trình điều tra B và bị cáo B đều khai là người nghiện ma túy, bị cáo B không cung cấp ma túy cho B sử dụng, khi có ma túy bị cáo B dừng xe nơi đường vắng sử dụng, thấy bị cáo B sử dụng ma túy còn dư nên B tự ý lấy sử dụng. Xét thấy, chỉ có lời khai của B và bị cáo B, không có chứng cứ nào khác nên chưa đủ chứng cứ xem xét tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy và tội tàng trữ trái phép ma túy.

[10] Đối với người do bị cáo B thuê chở đi C, bị cáo B không biết tên địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra không làm việc được. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục xác minh làm rõ khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

[11] Đối với Phạm Xuân H, quá trình điều tra không biết bị cáo B lấy xe loại Vision màu đỏ, biển số 66N1-289.24 do H đứng tên chủ sở hữu, đi trộm cắp tài sản nên không xem xét trách nhiệm.

[12] Đối với Phan Thị Châu T, Tô Thị Kim C, Nguyễn Hữu N, Phạm Thị Bích D mua và cầm điện thoại của B và bị cáo B. Quá trình điều tra không biết điện thoại do trộm cắp mà có nên không xem xét về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[13] Đối với người tên T mua lại điện thoại của Phạm Thị Bích D, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lý lịch nên Cơ quan điều tra không làm việc được. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục xác minh làm rõ khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

[14] Đối với người mua lại điện thoại của Nguyễn Hữu N, quá trình không biết người mua là ai, Cơ quan điều tra không làm việc được. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục xác minh làm rõ khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

[15] Đối với xe mô tô hiệu Max, không còn dán áo xe, không biển số xe. Quá trình điều tra, bị cáo B khai điều khiển xe đi C bị Công an bắt và tạm giữ xe, không biết Công an địa phương nào, Cơ quan điều tra không thu giữ được xe. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục xác minh làm rõ khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

[16] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Phạm Chí B phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Chí B 03 (ba) năm tù.

- Tuyên bố bị cáo Phạm Chí B phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm tín đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Chí B 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là: 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 22 tháng 4 năm 2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Phạm Chí B có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị L giá trị điện thoại bị mất số tiền là 930.000đ (Chín trăm, ba mươi nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Phạm Chí B có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hồ Thị Tuyết L giá trị điện thoại bị mất số tiền là 1.650.000đ (Một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Phạm Chí B có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Trần Thị Thu T số tiền bị mất là 1.300.000đ (Một triệu, ba trăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Phạm Chí B có trách nhiệm bồi thường cho Phan Thị Châu T số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Buộc bị cáo Phạm Chí B có trách nhiệm bồi thường cho Tôn Thị Kim C số tiền 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Phạm Chí B tiền Việt Nam: 220.000đ (Hai trăm hai mươi nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội..

Bị cáo Phạm Chí B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 319.000đ (Ba trăm mười chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là: 519.000đ (Năm trăm mười chín nghìn đồng).

5. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hứa Quang Thông